

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI  
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 02 (87) 2025  
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

# **CVRSS**

**Tap chí Khoa học xã hội miền Trung**

ISSN 1859 – 2635

## **TỔNG BIÊN TẬP**

TS. Trần Minh Đức

## **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## **BAN BIÊN TẬP**

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

# CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 02 năm 2025

Năm thứ mười tám

## Mục lục

1. Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk: Rào cản và giải pháp..... 3  
**Nguyễn Duy Thụy**
2. Thực trạng bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Nam và một số vấn đề đặt ra ..... 10  
**Trần Minh Đức, Vũ Thị Ngọc**
3. Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai của Liên Hợp Quốc và những vấn đề đặt ra cho thế giới và Việt Nam.....19  
**Nguyễn Văn Lịch, Phạm Thị Phương Anh**
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua và sử dụng xe máy điện của sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội.....27  
**Nguyễn Danh Nam, Ưông Thị Ngọc Lan**
5. Phát triển kinh tế lâm nghiệp tại các huyện miền núi phía Bắc của tỉnh Quảng Nam .....37  
**Nguyễn Hoàng Yến**
6. Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ và eWOM đến ý định quay lại các điểm đến du lịch biển Phú Yên: Vai trò của niềm tin và giá trị cảm nhận..... 46  
**Lê Đức Tâm**
7. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển khách du lịch bằng taxi tại thành phố Nha Trang...56  
**Lê Chí Công, Bùi Thị Thúy Vân**
8. Vận dụng mô hình SCP phát triển thị trường cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long – Nghiên cứu trường hợp tỉnh Tiền Giang.....64  
**Mai Văn Xuân, Đỗ Đoàn Trang, Phan Phùng Phú, Mai Lệ Quyên**
9. Văn hóa doanh nghiệp và sự gắn bó của người lao động với công việc: Nghiên cứu thực nghiệm cho các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Khánh Hòa..... 73  
**Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Thị Hồng Đào**
10. Xung đột xã hội về vấn đề môi trường tại tỉnh Quảng Ngãi trong bối cảnh công nghiệp hóa .....81  
**Nguyễn Thị Thanh Xuyên**
11. Huy động, sử dụng nguồn nhân lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk ..... 90  
**Đinh Như Hoài**
12. Về nhận diện và phân tích giá trị dân tộc vùng biên giới đất liền ở Việt Nam hiện nay.....99  
**Trần Thị Phương Anh, Hoàng Văn Chung**
13. Biện chứng giữa văn hóa và môi trường: Nghiên cứu các giá trị và thực hành truyền thống của cộng đồng vùng đầm phá thành phố Huế ..... 107  
**Trần Mai Phương, Hồ Viết Hoàng**
14. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay..... 115  
**Trần Thị Hồng Hạnh**
15. Công tác bổ dụng đội ngũ quan lại qua thi cử dưới triều Nguyễn (1802-1885)..... 124  
**Nguyễn Thế Hà, Phan Thùy Giang**
16. Vùng đất Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX..... 135  
**Nguyễn Đình Cơ, Nguyễn Phương Đại**
17. Khảo cứu, phê bình kịch hát trên tạp chí Bách Khoa..... 144  
**Phạm Ngọc Hiền**

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01/04/2024, Giấy phép bổ sung số 81/GP-BVHTTDL ngày 24/7/2025. Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 02 năm 2025. In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 06/2025.

# CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 02, 2025

The 18<sup>th</sup> Year

## **Contents**

1. Development of Agricultural Cooperatives in Dak Lak Province: Barriers and Solutions..... **3**  
*Nguyen Duy Thuy*
2. The current situation of training in knowledge and professional skills for disseminating and educating environmental protection policies and laws in Quang Nam province and emerging issues..... **10**  
*Tran Minh Duc, Vu Thi Ngoc*
3. The United Nations Future Summit and its implications for the world and Vietnam..... **19**  
*Nguyen Van Lich, Pham Thi Phuong Anh*
4. Factors influencing university students' intention to purchase and use electric motorcycles in Hanoi..... **27**  
*Nguyen Danh Nam, Uong Thi Ngoc Lan*
5. Developing forestry-based economic activities in the northern mountainous districts of Quang Nam Province..... **37**  
*Nguyen Hoang Yen*
6. The influence of service quality and eWOM on revisit intention to Phu Yen coastal tourism destinations: The role of trust and perceived value..... **46**  
*Le Duc Tam*
7. Enhancing the quality of tourist taxi services in Nha Trang city..... **56**  
*Le Chi Cong, Bui Thi Thuy Van*
8. Applying the SCP Model to Develop the Pangasius Market in the Mekong Delta – A Case Study of Tien Giang Province..... **64**  
*Mai Van Xuan, Do Doan Trang, Phan Phung Phu, Mai Le Quyen*
9. Corporate culture and employees' work engagement: An empirical study in FDI enterprises in Khanh Hoa province..... **73**  
*Le Huu Nghia, Nguyen Thi Hong Dao*
10. Environmental-Related Social conflicts in Quang Ngai province in the context of industrialization.... **81**  
*Nguyen Thi Thanh Xuyen*
11. Mobilizing and utilizing human resources for socio-economic development in ethnic minority areas of Dak Lak province..... **90**  
*Dinh Nhu Hoai*
12. On identifying and analyzing the ethnic values of Vietnam's land border areas today ..... **99**  
*Tran Thi Phuong Anh, Hoang Van Chung*
13. The dialectics of culture and environment: A study on traditional values and practices among lagoon communities in Hue city..... **107**  
*Tran Mai Phuong, Ho Viet Hoang*
14. Preserving and promoting the value of tangible cultural heritage in Hoa Vang District, Danang City in the current period..... **114**  
*Tran Thi Hong Hanh*
15. The Appointment of Mandarins through Examinations under the Nguyễn Dynasty (1802–1885) .. **124**  
*Nguyen The Ha, Phan Thuy Giang*
16. The land of Trấn Biên – Biên Hòa (Đồng Nai) from the 17th century to the first half of the 19th century..... **135**  
*Nguyen Dinh Co, Nguyen Phuong Dai*
17. Research, criticism of Vietnamese musical theater in Bach Khoa magazine ..... **144**  
*Pham Ngoc Hien*

## Công tác bổ dụng đội ngũ quan lại qua thi cử dưới triều Nguyễn (1802 -1885)

**Nguyễn Thế Hà, Phan Thùy Giang**

*Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên*

*Email liên hệ: thehasp.dn@gmail.com*

**Tóm tắt:** Bài viết này sẽ tập trung làm rõ về việc bổ dụng đội ngũ quan lại được tuyển chọn qua các kỳ thi do nhà nước tổ chức. Bài viết sử dụng phương pháp lịch sử để phục dựng một cách đầy đủ bức tranh quá khứ về vấn đề đặt ra. Đồng thời, phương pháp logic được sử dụng nhằm đưa ra những đánh giá một cách đầy đủ và khách quan về vấn đề đang nghiên cứu. Nguồn tư liệu chính được sử dụng trong nghiên cứu này là các thư tịch cổ chính thống được biên soạn dưới triều Nguyễn. Bên cạnh đó, tác giả cũng kế thừa những kết quả nghiên cứu trước đó của các tác giả khác để làm rõ vấn đề nghiên cứu. Từ đó, bài viết sẽ làm rõ cách thức tuyển chọn quan lại qua các kỳ thi như thi Hương, thi Hội, thi Đình dưới triều Nguyễn.

**Từ khóa:** Triều Nguyễn; Việt Nam; Thời kỳ phong kiến; Giai đoạn 1802 đến 1885; Công tác bổ dụng  
**The Appointment of Mandarins through Examinations under the Nguyễn Dynasty (1802–1885)**

**Abstract:** This article focuses on clarifying the appointment of mandarins selected through state-organized examinations during the Nguyễn Dynasty. The historical method is employed to comprehensively reconstruct the past context of the issue. Additionally, the logical method is used to provide a thorough and objective analysis of the subject under investigation. The primary sources utilized in this study are official historical records compiled during the Nguyễn Dynasty. In addition, the authors draw upon previous research findings by other scholars to further elucidate the topic. Accordingly, the article aims to shed light on the process of mandarin recruitment through examinations such as the Hương (Regional Examination), Hội (National Examination), and Đình (Court Examination) under the Nguyễn Dynasty.

**Keywords:** Nguyễn Dynasty; Vietnam; Feudal period; 1802–1885; Appointment of mandarins.

**Ngày gửi bài:** 14/3/2025; **Ngày phản biện:** 16/3/2025; **Ngày duyệt đăng:** 20/4/2025

### 1. Đặt vấn đề

Triều Nguyễn là triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam. Triều đại này tồn tại với tư cách là một nhà nước độc lập từ năm 1802 đến năm 1885<sup>(1)</sup>. Trong thời gian cai quản đất nước của mình, các hoàng đế của triều đình nhà Nguyễn đã chú trọng xây dựng một đội ngũ quan lại được xem là chất lượng trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Với hệ thống giáo dục được xây dựng một cách hệ thống với ba kỳ thi, thi Hương, thi Hội và thi Đình. Các kỳ thi này nhằm chọn ra những cá nhân xuất sắc trong đội ngũ Nho sinh nhằm ra làm quan giúp vua cai quản việc thiên hạ.

Mặc dù đã có rất nhiều nghiên cứu về triều Nguyễn, nhưng thiếu hẳn một nghiên cứu về công tác sử dụng những người quan lại được tuyển chọn qua thi cử. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả sẽ từng bước làm rõ một cách chi tiết phương thức dùng người của triều đình nhà Nguyễn. Với việc sử dụng hai phương pháp chủ đạo trong nghiên cứu lịch sử (phương pháp lịch sử và phương pháp logic) để tiến hành nghiên cứu làm rõ vấn đề. Trong đó, phương pháp lịch sử là phương pháp xem các hiện tượng, sự vật qua các giai đoạn lịch sử cụ thể; là phương pháp tái hiện trung thực bức tranh quá khứ của sự vật, hiện tượng theo đúng trình tự thời gian và không gian như nó đã từng diễn ra (quá trình ra đời, phát triển, tiêu vong). Nhiệm vụ của phương pháp lịch sử là thông qua các nguồn tư liệu để nghiên cứu và phục dựng đầy đủ các điều kiện hình thành, quá trình ra đời, phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp của các sự kiện, hiện tượng, đồng thời đặt quá trình phát triển đó trong mối quan hệ tác động qua lại với các nhân tố liên quan khác trong suốt quá trình vận động của chúng, từ đó có thể dựng lại bức tranh chân thực của sự vật, hiện tượng như đã xảy ra. Với việc sử dụng phương pháp này,

sẽ giúp tác giả phục dựng một cách đầy đủ, chi tiết và khách quan bức tranh lịch sử đang nghiên cứu. Còn phương pháp logic là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng trong hình thức tổng quát, nhằm vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng vận động theo quy luật khách quan. Nhiệm vụ của phương pháp logic là: “đi sâu tìm hiểu cái bản chất, cái phổ biến, cái lặp lại của các hiện tượng”;... “nắm lấy cái tất yếu, cái xương sống phát triển, tức nắm lấy quy luật của nó”; “nắm lấy những nhân vật, sự kiện, giai đoạn điển hình và nắm qua những phạm trù, quy luật nhất định”, từ đó giúp tác giả nghiên cứu thấy được những bài học và xu hướng phát triển của sự vật, hiện tượng. Thông qua phương pháp nghiên cứu này, tác giả sẽ rút ra những đánh giá, nhận định vấn đề phù hợp quy luật khách quan nhất. Kết quả bài viết sẽ có những đóng góp đáng kể đối với khoa học và thực tiễn. Trước hết, trong khoa học bài viết sẽ là một trong những tư liệu nghiên cứu một cách đầy đủ về phương thức dùng người của nhà nước phong kiến triều Nguyễn, triều đại tồn tại cuối cùng trong chế độ phong kiến Việt Nam. Đồng thời, bài viết cũng có những đóng góp giá trị đối với thực tiễn, thông qua bài viết sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách rút ra được những bài học lịch sử quý báu trong việc sử dụng hiệu quả con người trong phát triển đất nước.

## 2. Việc bổ dụng người đỗ thi Hương

Những người đỗ kì thi Hương được nhà nước coi trọng và dùng thay thế những quan chức không có trình độ đang tạm thời nắm quyền từ trước. Theo vua Minh Mạng thì đó là những người giúp việc không xứng đáng đảm đương việc nhà nước so với những người có trình độ học vấn. Vua (Minh Mạng) bảo với thuộc hạ rằng: “Việc nhà nước đợi được người mới làm thì nếu không được người thì chính sự ra sao? Bọn Cai án<sup>(2)</sup>, Tri bạ là nhân viên giúp việc, chợt được tạm quyền chính sự thì trong lòng đã có tư tưởng không tốt. Chẳng lẽ vì ta (vua Minh Mạng tự xưng) mà lo cho người dân ư?. Nay những Hương cống làm giúp việc ở sáu bộ cùng các Giám sinh<sup>(3)</sup>, Tọa giám đều là người qua thi cử, nếu sai ra thử làm việc cai quản dân chắc chắn phải nghĩ gắng công báo nước, như thế thì quan chức được người mà công việc không bỏ thiếu. Bấy giờ mới sai đình thần xét chọn, dự trúng hơn 60 người. Vua bàn chia phái đi các thành dinh trấn để học tập chính sự, có huyện nào khuyết thì cho quyền (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3, tr.544). Năm Minh Mạng thứ 3 (1823) nhà vua có chỉ truyền: “Hương cống là giúp việc ở 6 bộ, học tập ở Kinh (Đô) lâu ngày, chuẩn cho nhiệm chức vụ nào khuyết ở 6 bộ; nếu bộ nào đủ người thì cho bổ nhiệm chức vụ ngoài ngạch” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 2, tr.338).

Dưới triều Nguyễn, những người đỗ trong kì thi Hương thì ít khi được bổ nhiệm làm quan ngay mà sẽ được nhà nước cho làm giúp việc ở lục bộ để quen việc. Đặc biệt là bắt đầu từ thời vua Minh Mạng (1820 - 1840), những đối tượng này được nhà vua cho làm hành tẩu ở lục bộ cốt để cho học tập việc chốn quan trường, hoặc là cho tiếp tục vào học tập ở Quốc tử giám chờ ra ứng thí kỳ thi Hội, nếu không đỗ thì cho trở lại giúp việc lục bộ. Sách Minh Mệnh chính yếu cho biết năm Minh Mệnh thứ nhất (1820): “Vua sai triệu các Hương cống các khoa đến, phân phái làm chức Hành tẩu trong sáu bộ để học tập chính sự mà cấp lương tháng cho (tiền 2 quan gạo 2 phương)” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2010, tr.1506). Sách Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, cũng cho biết vào năm Minh Mạng thứ 16 (1835) có ban chỉ: “Các cử nhân từ Quảng Bình trở vào Nam, so với từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, con số vẫn ít giao cho bộ Lễ truyền tập tuyên bảo cho biết đã đỗ thi Hương thì phải ở lại Kinh học tập chính sự để làm việc nhà nước, không được cam tâm tự bỏ, tính chuyện an nhàn, phụ công gây dựng, vẫn qua bộ Lại phân phái làm hành tẩu 6 bộ để được kịp thời làm việc” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 2, tr.168-169).

Có thể nói, đây chính là biện pháp rèn luyện những người thi đỗ các trường thi Hương. Theo chính sách của nhà Nguyễn cho rèn luyện công việc ở lục bộ một thời gian, nếu họ không tiếp tục đỗ đạt. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ chép rằng: “Minh Mạng năm thứ nhất (1820), theo lời tâu chuẩn cho các Hương cống trường thi Quảng Nam được bổ về 6 bộ, theo làm việc bộ, mỗi người mỗi tháng cấp cho 2 quan tiền, 2 phương gạo. Lại ban dụ: học sinh các khoa các Hương cống thi đỗ 4 kỳ cho gọi đến kinh, cấp cho Hương cống, phân phái làm hành tẩu 6 bộ học tập điển cố cho được thành tài rồi bổ dụng” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 2, tr.169). Bên cạnh đó, những Tú tài tuổi đã nhiều mà vẫn chưa được bổ đi làm những công việc chính thức

của nhà nước thì nhà nước cũng linh động, tiến hành sát hạch theo nội dung tứ trường, theo kết quả mà phân ra các hạng rồi tùy tài bổ dụng để cho được đem tài năng ra giúp đời. Sách Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ ghi: “Minh Mệnh năm thứ 11 (1830): Những Tú tài tuổi bốn chục trở lên do các địa phương dâng số lần lượt đến bộ. Vua sai quan sung làm chủ khảo và phân khảo (chủ khảo là quan Nhị, Tam phẩm, phân khảo là quan Tứ, Ngũ, Lục phẩm) đến Quốc tử giám, hội đồng và Giám thần đem văn thể tứ trường khảo hạch. Trước sau trúng hạng ưu, bình được 142 người, đều bổ Huấn Đạo<sup>(4)</sup>, còn người không trúng cho về học tập” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2010, tập 3, tr.85). Linh động cho những người đã đỗ thi Hương nhưng tuổi cao là nhằm không để bỏ sót những người có trình độ và có ý chí rèn luyện. Xét về ý nghĩa xã hội, việc làm này có tác dụng làm cho người trí thức trong thiên hạ tin vào chính sách trọng hiền tài của nhà nước, qua đó khuyến khích người trong thiên hạ học tập. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ cho biết: “Thiệu Trị năm thứ 1 (1841) nhà vua ban dụ: Trẫm nhân mở xem danh sách thi Hội khoa này, chợt có giáo sinh Trần Xuân Thường, tuổi đã đến 60, còn ở nhà học đốt đèn nối ánh mặt trời sẽ đợi đến bao giờ mới được dùng, với lại Cống sinh hai ba lần xét lại, quả là có văn học mới được ở Giám đọc sách; triều đình sùng nho trọng đạo, yêu nuôi nhân tài để ngày sau làm việc; viên ấy dù mài rèn luyện, đến nỗi thân thể suy yếu, há có trà trộn đâu?. Vậy giao cho bộ Lại đòi đến sát hạch lại, có thể làm được chức dạy học, thì tâu lên chờ chỉ bổ thụ chức quan để kịp thời làm việc” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 2, tr.169).

Bên cạnh đó, nhà Nguyễn còn có quy định rõ ràng trong việc sử dụng những người đỗ thi Hương có thi Hội mà không đỗ. Đến năm Tự Đức thứ 1 (1848), theo nghị chuẩn cho: “Từ nay phàm Cử nhân, việc thi Hội xong, đều cho về quê học tập, để đợi kì thi; như có người nào tình nguyện ở Kinh, thì cho vào Giám học tập, đợi đủ 3 năm, sau khi kì thi Hội, phân phái ra các tỉnh chờ bổ; trong đó nếu người nào tình nguyện ở Giám đợi khoa thi cũng cho; như gặp chỗ khuyết Giáo thụ, Huấn đạo thì không cứ là Cử nhân các khoa về các tỉnh chờ bổ, hoặc ở Giám, ở quê học tập, đều chiếu theo khóa trước làm việc. Còn gặp khi khuyết Tri huyện, Tri châu, thì do quan địa phương sở tại trước hết đem các Cử nhân về tỉnh chờ bổ đã được bổ thụ, người nào hể lâu năm thì lần lượt chiếu bổ; nếu tỉnh nào gạch chờ bổ hết cả, thì bộ Lại đem Cử nhân ở quê học tập đã bổ chức dạy học, liệu chỗ chiếu bổ, sau đến các Cử nhân Giám ở quê chưa được bổ thụ, người nào hể đỗ trước cũng liệu chỗ xa gần, tấu xin chiếu bổ” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 2, tr.341).

Đến Tự Đức năm thứ 18 (1865), “Đổi định lệ Cử nhân bổ làm quan. (Đỗ Cử nhân thi Hội có phân số bổ làm Huấn đạo, lĩnh Giáo thụ hoặc chánh bát phẩm lĩnh Tư vụ, Biên tu, Kinh lịch; đầy một năm thì được thực thụ, lại đầy 2 năm thăng thụ Đồng tri, lĩnh huyện, châu, Thông phán, Tu soạn; hoặc bổ Đồng tri, Trước tác, Chủ sự. Ai không có dự phân số cũng bổ Huấn đạo hoặc chánh bát phẩm lãnh chức như trên, đủ 2 năm được thực thụ. Lại đầy một năm nữa, thăng bổ huyện, châu, hậu bổ các tỉnh, đều thụ Hàn Lâm điển tịch; đến khi bổ huyện châu đều theo lệ bổ quan)” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 5, tr.936).

Những người đỗ kì thi Hương mà trượt kì thi Hội được nhà nước nuôi dưỡng tài năng tại Quốc Tử Giám, đến khi tài năng đã chín muồi sẽ được nhà nước trọng dụng, cho ra làm quan. Chúng tôi xin đem ra một trường hợp chỉ đỗ trong kì thi Hương được nhà nước bổ dụng như : Đặng Văn Hòa người Thừa Thiên, là một đại thần triều Nguyễn, khoa thi Hương năm 1813 ông đỗ Cử nhân được nhà nước sơ bổ Tri huyện Hà Đông (thuộc tỉnh Quảng Nam) rồi được thăng làm Lang trung bộ Binh, sau đó được bổ chức Tham hiệp ở Thanh Hóa, Thị lang Bộ Binh thăng Tham tri kiêm Hộ tào Bắc thành, sau đó thăng chức Đại học sĩ hàm Thái bảo, từng làm chủ khảo các kì thi Hội. Đến đời vua Tự Đức (1853), Đặng Văn Hòa làm đến chức Thượng thư Bộ hình, không ít lâu sau ông được thăng chức Văn Minh điện đại học sĩ, lãnh Thượng thư bộ Hộ, sung Cơ Mật viện đại thần; Cao Trọng Sinh đỗ Cử nhân khoa thi năm 1847, được sơ bổ Tri huyện, thuyên chuyển nhiều nơi, rồi thăng làm Đốc học tỉnh Quảng Bình. Đến đời Tự Đức năm thứ 17 (1864), ông được cải bổ chức Tư nghiệp, sau làm Lang trung bộ Binh, sau đổi làm Đốc học tỉnh Bình Định; Đặng Hữu Phổ người tỉnh Thừa Thiên, ông đỗ Cử nhân làm đến chức Thị độc Nội các; Cao Xuân Dục người Nghệ An đỗ Cử nhân năm 1877 được nhà nước bổ dụng làm đến chức Thượng thư bộ Học, Tổng tài Quốc Sử quán, tước An Xuân Tử, Cao Xuân Dục là một nhà sử học, một nhà nghiên cứu địa phương xuất

sắc và bề thế nhất của nước nhà; Dương Doãn Am, người quê Nghệ An, đỗ Cử nhân khoa thi năm 1843, đến năm 1860 đời Tự Đức ông được nhà nước sử dụng vào chức Án sát tỉnh Thanh Hóa, rồi đổi sang tỉnh Ninh Bình, Bồ chính Thanh Hóa. Năm 1864, Dương Doãn Am được bổ dụng Hộ lí Võ khố, sau sung làm Tán lí quân vụ ở Hải An. Năm 1879, thăng Quang lộc tự Thiếu khanh, sung chức Tán lí đạo Sơn - Hưng - Tuyên; Dương Duy Thanh quê Hưng Yên nhà nước sử dụng làm chức Đốc học Hà Nội (Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế, 1999). Trong số những Cử nhân được nhà nước bổ dụng làm quan, cũng có những nhân vật vươn lên chức vụ chủ chốt trong triều đình, như Cử nhân Trương Đăng Quế. Trong quyển Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa tác giả Y. Tsuboi có viết: “Trương Đăng Quế sinh ở Sa Kỳ thuộc tỉnh Quảng Ngãi, khoảng 15 hay 20 năm kết thúc thế kỷ vừa qua, trước khi Minh Mạng chết là Hiệp biện Đại học sĩ, chức vụ mà cho đến nay người ta dịch là Phó Giám sát của Vương quốc. Ông giữ các chức vụ Thượng thư Bộ binh, Chương ấn bộ Lễ, là thầy dạy các con cháu trong Hoàng tộc. Năm thứ 2 dưới triều vua Thiệu Trị là con và là người kế vị Minh Mạng, Trương Đăng Quế được phong Văn minh điện mà ta có thể dịch là Đại Giáo sư trường Đại học Quốc gia, từ đó phải xem ông ta là người duy nhất thống trị đất nước” (Yoshiharu Tsuboi, 1999, tr.213-214).

Qua đó cho thấy lực lượng lớn trí thức không đỗ đại khoa cũng được rèn luyện, cho làm hành tẩu các bộ cho quen việc chính trị rồi sát hạch để bổ thụ vào những chức vụ khác nhau của nhà nước như: Tri huyện, Tri phủ, Biên tu... Trong thực tế lực lượng này đã không ít người thể hiện được năng lực của mình trong khi thực thi công việc, thậm chí nhiều người còn thể hiện được năng lực vượt trội của mình và có những đóng góp lớn trong đối với đất nước và cả trong việc giúp nhà vua cai trị thiên hạ.

Bên cạnh đó, nhà Nguyễn cũng có định lệ đối với việc sử dụng những võ sinh thi đỗ các kì thi Hương, mặc dù võ Cử nhân thì số lượng rất ít so với văn Cử nhân. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ cho biết nhà nước quy định: “Dân và võ sinh ở trong kinh và ngoài tỉnh đều được tham gia sát hạch. Ở cả 3 kì, người nào trúng tuyển nếu là ngạch binh Túc vệ thì sung làm Hành tẩu Xứ Thị vệ; Cấm binh và binh ngoài tỉnh thì sung làm Hành tẩu Túc vệ, được đủ 1 năm nếu trúng hạng nhất hay hạng nhì thì phân đi các tỉnh đợi bổ Suất đội” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 9, tr.23).

### **3. Sử dụng/tuyển dụng/bổ dụng người đỗ kì thi Hội và kì thi Đình**

Về việc sử dụng các đại khoa Tiến sĩ cho khoa thi đầu tiên, sách Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ cho biết: “Minh Mạng thứ 3 (1822) là năm Nhâm Ngọ, mở ân khoa thi Hội, đỗ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân một người, bắt đầu cho Hàn Lâm viện tu soạn, đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ sáu người, bắt đầu cho Hàn Lâm viện biên tu” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 9, tr.338). Đại Nam thực lục cho biết, khoa thi Hội đầu tiên được mở vào năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), trong sách này ghi: “Khoa này, Hương cống, Giám sinh dự thí là 164 người các kì Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam đều do vua ra đề kì Đệ tứ thì vua sai quan trường ra đề. Kết quả lấy 5 quyển trúng dâng lên. Vua hiềm là ít, bảo rằng: “Hoàng khảo xưa chưa mở thi Hội, thực là vì trải qua loạn li, học trò thất học, phải chờ đến giáo dục thành tài. Nay nước nhà đã đào tạo nhân tài đã lâu mà khoa thi cả trăm người chỉ lấy trúng được mười, mười người lấy trúng được một, dự tuyển chỉ được có thể sao xứng với ý tốt của trăm kén chọn nhân tài”. Bèn sai lấy trúng cách 8 người là: Hà Quyền, Trần Lê Hiệu, Nguyễn Ý, Lê Quang, Phan Hữu Tính, Đinh Văn Phác, Vũ Đức Khuê, Phan Bá Đạt” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2, tr.197).

Năm 1822, sau khi tổ chức kì thi Hội, vua nhà Nguyễn cho tổ chức được kì thi Đình đầu tiên. Kì thi Đình là tổ chức cho những người xuất sắc đã đỗ trong kì thi Hội vào ứng thí, qua đây nhà nước sẽ chọn Đệ nhất giáp, Đệ nhị giáp, Đệ tam giáp Tiến sĩ, rồi theo tài để bổ thụ vào những chức vụ quan trọng của nhà nước. Đại Nam thực lục cho biết: “Thi Cống sĩ ở Điện Cần Chính. Sai Thứ Tiến quân Trần Văn Năng sung chức Giám thí đại thân, Hiệp biện Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức, Thượng thư Bộ Hộ Nguyễn Hữu Thiện, Hữu Tham tri Lại Bộ Nguyễn Văn Hưng, Thứ hữu Tham tri Hình Bộ Nguyễn Huy Trinh đều sung đọc quyển. Cho Nguyễn Ý đậu Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân và bọn Lê Quang, Phan Hữu Tính, Hà Quyền, Đinh Văn Phác, Vũ Văn Khuê, Phan Bá Đạt và Trần Lê Hiệu 7 người đậu Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2, tr.208). Theo số liệu thống kê kết quả thi Hội và thi Đình được ghi trong Đại

Nam thực lục cho thấy những người trúng cách kỳ thi Hội sẽ tham gia vào kì thi Đình để phân loại cao thấp, đều được bổ dụng làm quan để cống hiến tài năng, giúp vua trị vì đất nước. Như Nguyễn Ý đồ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân được bổ chức Biên tu, Lê Tông Quang đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân được bổ chức Tham hiệp tỉnh Bình Định, Phan Hữu Tính đồ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân được bổ nhiệm chức Lang trung Bộ Binh, Đốc học Định Tường, Lang trung Bộ Lại, Tư nghiệp Quốc Tử Giám, Hà Tông Quyền đồ Hội nguyên Đệ Tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân được sử dụng vào chức Tham biện dinh Quảng Trị, Thái Thường tự Thiếu khanh, Lại Bộ tham tri, Lại bộ Thượng thư, Vũ Đức Khuê được bổ dụng chức Đốc học Quảng Bình, Hàn Lâm viện Thị độc học sĩ, Phó sứ sang nhà Thanh, Hồng Lô Tự khanh, Tuyên phú sứ Quảng Yên, Hộ bộ Tham tri, Tư vụ, sau khi ông tử trận được tặng chức Bồ chánh Quảng Yên. Phan Bá Đạt đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân được sử dụng vào chức Hàn lâm, Hữu thị lang Bộ Lại, Hiệp trấn Sơn Tây, Gia Định, Tổng đốc Định An, Viên ngoại lang, Trần Lê Hiệu đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân được bổ chức Lang trung (Lê Thị Thanh Hòa, 2011).

Sách Đại Nam thực lục cho biết: “Năm Nhâm Thìn, Minh Mạng thứ 13 (1832), mùa xuân, tháng 3 thi Hội.(...) Vua cho là quan trường câu nệ cân nhắc dẫn đo quá, bèn gia ơn cho những quyển nào có phân số thì gia thêm một phân, không đủ một phân thì cho là một phân. Lấy 8 người trúng cách: Đỗ Quang, Phan Trước, Nguyễn Tấn, Vũ Công Độ, Phạm Bá Thiệu, Nguyễn Văn Lý, Phạm Sĩ Ái và Phạm Gia Chuyên” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2, tr.293). Sau khi đỗ kì thi Hội thì tham gia đợt thi Đình tổ chức vào năm Nhâm Thìn (1832): “... Phan Trước và Phạm Sĩ Ái đồ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân; Nguyễn Văn Lý, Đỗ Quang, Phạm Bá Thiệu, Vũ Công Độ, Nguyễn Tấn, Phạm Gia Chuyên đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2, tr.316). Nhà nước đã sử dụng các đại khoa Tiến sĩ và Phó bảng vào các chức vụ khác nhau để làm việc. Phan Trước đồ Đình nguyên, Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng Giáp) được bổ dụng vào chức Tuần phủ Thuận Khánh, Phạm Sĩ Ái đồ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) được sử dụng vào chức Hàn Lâm viện Biên tu, Tri phủ Cam Lộ, Chủ khảo trường thi Gia Định; Nguyễn Văn Lý, đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân được sử dụng vào chức Hàn Lâm Biên tu, Tri phủ Thuận An, Án sát Phú Yên, Đốc học Hưng Yên, hàm Hàn Lâm viện Trước tác, Đỗ Quang đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, được sử dụng vào Bồ chánh An Giang, Án sát Quảng Trị, Sứ quán Toàn tu, Tuần phủ Định Tường, Hàn lâm viện Trước tác, Án sát Nghệ An, Bồ chánh Nam Định, Hộ đốc Ninh – Thái, Kinh diên nhật giảng, hàm Hồng Lô Tự khanh, Phạm Bá Thiệu đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân ông được sử dụng vào chức Thái Bộc tự khanh, Vũ Công Độ đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân được sử dụng vào chức Thái Bộc tự khanh, quyển Bồ chánh Thái Nguyên; Nguyễn Toàn, đồ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân được bổ dụng làm Viên Ngoại lang, sau mới bị cách chức; Phạm Gia Chuyên đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, được bổ dụng làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám (Lê Thị Thanh Hòa, 2011).

Chính sách tổ chức các đại khoa để tuyển chọn nhân tài được vua Minh Mạng hoàn chỉnh và được các vua kế nghiệp dưới triều Nguyễn tiếp tục thực hiện để xây dựng đội ngũ quan lại có chất lượng cùng vua lo việc nước. Sách Đại Nam thực lục cho biết: Thiệu Trị năm thứ nhất (1841), vừa lên nối ngôi đã tổ chức thi Hội: “Sai thự Đông các Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn làm Chủ khảo, Thượng thư bộ Công Nguyễn Trung Mậu làm Phó khảo, lấy trúng cách 11 người: Nguyễn Ngọc, Ngô Điền, Đào Danh Văn, Bùi Duy Phan, Phạm Bá Đệ, Nguyễn Xuân Thọ, Lê Đức, Bùi Tuấn, Trần Vĩ, Vũ Văn Lý, Hồ Văn Trị, và 4 người Phó bảng: Vũ Tá An, Vũ Nguyên Doanh, Đỗ Huy Uyển, Phạm Xuân Quế” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr.119). Sau khi có kết quả thi Hội, Thiệu Trị năm thứ nhất (1841) tổ chức thi Đình, “Cho: Nguyễn Ngọc, Ngô Điền đồ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân; bọn Lê Đức, Bùi Tuấn, Trần Vĩ, Đào Danh Văn, Phạm Bá Tuệ, Vũ Văn Lý, Bùi Duy Phan, Hồ Văn Trị và Nguyễn Xuân Thọ đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr.165).

Nhà nước sử dụng các học vị Tiến sĩ và Phó bảng vào những chức vụ quan trọng của nhà nước. Nguyễn Dốc đồ Hội nguyên và Đình nguyên, Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân được bổ dụng vào chức vụ Tu soạn, bị cách chức do phạm lỗi trong chấm thi rồi sau đó lại được phục chức Điển bạ; Ngô Điền đồ Nhị giáp tiến sĩ xuất thân ông được sử dụng vào chức Tri phủ; Lê Đức đồ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân được nhà nước bổ dụng chức Tuần phủ An Giang; Bùi Tuấn đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân được bổ làm Tri phủ Thọ Xuân, Tập Hiền viện, Kinh Diên khởi cư chú,

Thị Giảng học sĩ, Án sát Sơn Tây, Án sát Bắc Ninh, hàm Quang Lộc tự khanh, quyền Bồ chánh sứ, Tuần phủ sứ đạo Phú Yên, Bồ chánh tỉnh Bắc Ninh, Tuần phủ hộ lí Ninh – Thái Tổng đốc, quyền Tổng đốc Ninh – Thái; Trần Vĩ đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân được nhà nước bổ dụng vào làm Đốc học Hà Nội, hàm Thị giảng; Đào Danh Văn đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân được sử dụng vào chức Đốc học Nghệ An; Vũ Văn Lý đồ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân được sử dụng làm chức Tế tửu Quốc tử giám; Nguyễn Bá Tuệ đồ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân được bổ dụng làm Tri phủ; Hồ Văn Trị đồ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, ông được sử dụng vào chức Tri phủ, Bùi Duy Phan đồ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân được sử dụng vào chức Tri phủ; Vũ Tá An đồ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân làm chức Đồng Tri phủ; Vũ Nguyên Doanh đồ Phó bảng được bổ dụng vào chức Hàn Lâm viện Hiệu thảo; Tri phủ Thiên Phúc, Giám sát Ngự sử, Lễ khoa Chưởng ấn Cấp Sự trung, Án sát Gia Định; Đỗ Huy Uyển đồ Phó bảng được bổ thụ chức Hàn Lâm viện Kiểm thảo, Kinh diên, Tri phủ Bình Giang, Giám sát ngự sử, Đốc học Vĩnh Long, Lễ bộ Lang trung, được nhà vua ban cho hàm Thái thường Thiếu khanh, Biện lí Bộ Hộ; Phạm Xuân Quế đồ Phó bảng được sử dụng vào các chức: Lang trung, Sử quán Toàn tu ông tham gia biên soạn bộ sách Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Lê Thị Thanh Hòa, 2011).

Đến năm 1844 có sự điều chỉnh về lệ bổ dụng cho những trí thức đồ đại khoa. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ chép: “Thiệu Trị năm thứ 4, (1844) ban Dụ: từ trước đến giờ, Đệ nhị giáp, Đệ tam giáp Tiến sĩ các khoa, đã bổ thụ Hàn Lâm viện Tu soạn, Biên tu, Phó bảng thì bổ thụ Kiểm thảo viện ấy, bắt đầu thụ hàm đã có phân biệt, sau này Tiến sĩ hoặc thăng thụ Tri phủ, Quyền tri phủ; Phó bảng hoặc thăng bổ Đồng tri phủ, hoặc Quyền Đồng Tri phủ, rất là không giống nhau, và lại giáp đệ đã có thứ bậc, bổ thụ tất phải phân biệt, phải nên làm điển lệ, để tiện noi theo; nay cho chuẩn định các tên Đệ nhất giáp cập đệ, là người đồ đầu, đến khi ấy sẽ chờ tuyển dụng, các tên Đệ nhị giáp, Đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân, đã bổ thụ Hàn Lâm và thăng điều làm việc ở các nha môn, được cứ 1 năm, tưởng cũng đã quen cách làm việc. Trừ người nào có tài năng phẩm hạnh tốt, làm việc chăm chỉ, thực là xuất sắc, đến khi ấy chờ khi ra chuẩn cho cũng được, còn thì do bộ tâu xin, Đệ nhị giáp thì chiếu cho làm Tri phủ, Đệ tam giáp Tiến sĩ, thăng bổ chủ sự cho làm Quyền tri phủ; người nào là Phó bảng, thăng bổ Tri huyện huyện đầu, rồi chiếu chờ khuyết nghị bổ” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 9, tr.339).

Thiệu Trị năm thứ 6 (1846), theo lời tâu chuẩn xin chiếu lệ định, người nào là Phó bảng, thăng bổ Tri huyện quyền Đồng Tri, nay Hàn Lâm viện kiểm thảo Lê Đăng Trạc nguyên là Phó bảng, trước đã có Chỉ cho làm Đồng Tri phủ, chỉ viên ấy thăng bổ Hàn Lâm viện tu soạn, Quyền Tri huyện huyện Quảng Điền, để hợp lệ định, từ nay trở đi, như có khuyết huyện ở Kinh, đem Phó bảng chiếu bổ thì theo đấy làm việc (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 9, tr.339).

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ cũng cho biết Tự Đức năm thứ 1 (1848) theo nghị chuẩn cho: các viên Giáo thụ, Huấn đạo gặp khi thi Hội, có người dự trúng Phó bảng, về khoản nên được bổ làm quan, chưa được định lệ; nhưng xét ra Hàn Lâm viện Kiểm thảo bậc Tòng thất phẩm, Trước tác bậc Chánh lục phẩm; Thị giảng bậc Chánh lục phẩm, Thị giảng bậc tòng ngũ phẩm; mà chiếu với Huấn đạo bậc Chánh bát phẩm, giáo thụ bậc Chánh thất phẩm; so với Cử nhân, Giám sinh chưa cử phẩm hàm có khác; và lại chức Giáo thụ, Huấn đạo ấy đã có phẩm trật cao hạ không giống nhau, nay được dự trúng Phó bảng, nên chiếu theo Phó bảng trước làm việc, thì trong đó Huấn đạo mà thăng Kiểm thảo, hàm chức xét ra ngang nhau; còn như Giáo thụ mà chiếu bổ kiểm thảo là kém mất một bậc; nếu đổi hàm Biên tu thì cùng là Phó bảng mà người thì thăng người thì điệu, chưa khỏi sự không công bằng, tưởng nên chiếu theo phẩm hàm được bổ thụ trước chương nghị cho được xứng đáng; còn những người dự trúng Phó bảng khoa này là Huấn đạo huyện Lập Thạch Lê Nguyễn Hỷ được thăng thụ Hàn Lâm viện Kiểm thảo, Giáo thụ Thường Tín, Bùi Sĩ Tuyển được thăng thụ Hàn Lâm viện Tu soạn; từ nay trở đi có Huấn đạo, Giáo thụ dự trúng Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, thì viên Huấn đạo được thăng bổ Biên tu, viên Giáo thụ được thăng bổ Trước tác, dự trúng Đệ nhị giáp Tiến sĩ thì viên Huấn đạo được thăng bổ Tu soạn, viên Giáo thụ được thăng bổ Thị giảng, như có dự trúng Đệ nhất giáp cập đệ, thì đến khi ấy tâu rõ sẽ chờ tuyển dụng; còn như các viên đã bổ hàn lâm viện, người nào Huấn đạo trước trúng Phó bảng, thì được tham chiếu lệ trước thăng bổ Tri huyện, được làm quyền Đồng tri phủ

và bổ ngay Tri huyện huyện đầu, viên Giáo thụ được bổ Đồng tri phủ, dự trúng Đệ nhị giáp Tiến sĩ, thì không cứ trước là Giáo thụ hay Huấn đạo cũng bổ ngay làm Tri phủ; trong đó viên Giáo thụ trước đỗ Nhị giáp Tiến sĩ đã thăng Thị giảng, chiếu với Tri phủ tuy là một phẩm hàm, nhưng Tri phủ có trách nhiệm quan hệ đến dân xã, gặp khi khuyết nghĩ nên đem chuyển bổ trước, ngõ hầu kịp thời gian làm việc; còn thì cũng theo chỗ khuyết trích bổ, không nên đợi đến đủ năm, để cho khác với Cử nhân, Giám sinh được dự trúng; còn như các viên được thụ hàm, sẽ do quan thượng ti trực tiếp cai quản, xét hễ làm việc thỏa đáng, sẽ tâu xin bổ thụ, cũng không phải bó buộc bằng niên hạn, kể ra như thế thì bắt đầu bổ đã tham chiếu cả việc làm trước và khoa danh phẩm trật, để có phân biệt mà rõ khuyến khích (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 9, tr.339-340).

Nhà nước cũng có quy định việc dùng những người võ cử vào trong quân đội. Qua những gì được ghi chép trong Hội điển thì nhà nước rất coi trọng những người thực tài, theo tài bổ dụng vào các chức vụ khác nhau trong quân đội. Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) nghị chuẩn: “từ nay trở đi, phàm các người dự trúng võ cử, trừ ra những người đầu bảng như đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, đích thực có tài xuất sắc giỏi hơn mọi người, đáng bổ phẩm quan, khi ấy xin Chỉ, tuân bổ, thì không kể; còn phàm biển binh túc vệ trúng cách, sung vào làm hành tẩu xứ Thị vệ, Nguyên thân, Cấm binh, cùng binh dân các trực trúng cách thì sung làm Hành tẩu xứ Túc vệ một năm, khi mãn kỳ bộ binh đều kê danh sách giao đình thần hạch tuyển” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 10, tr.620-621).

Đến thời vua Tự Đức thứ 18 (1865), định lại lệ bổ dụng cho những người thi Đình tiến sĩ. Đại Nam thực lục chép: “Định lệ mới. Bổ quan cho võ Tiến sĩ và Phó bảng. (Bên võ hàng tòng phẩm, thi đỗ nhất giáp, nhất danh, bổ Phó Lãnh binh, Thự Lãnh binh; trúng nhị danh, bổ Quản cơ, Thự phó Lãnh binh; trúng tam danh, bổ Phó Quản cơ, Thự Quản cơ. Đỗ nhị giáp, bổ Phó Quản cơ. Đỗ tam giáp, bổ Cấm binh Cai đội, Thự Phó Quản cơ. Đỗ Phó bảng bổ thụ cũng như trúng tam giáp, được đầy năm bổ Thự Phó Quản cơ. Chánh tòng lục phẩm. Thi đỗ nhất giáp, nhất danh, bổ Quản cơ, Thự phó Lãnh binh; trúng nhị danh, bổ Phó Quản, Thự Quảng cơ; trúng tam danh, bổ Cấm binh Cai đội, Thự phó Quản cơ. Đỗ nhị giáp, bổ Cấm binh Cai đội. Đỗ tam giáp, bổ Tinh binh Cai đội, Thự Cấm binh Cai đội. Đỗ phó bảng cũng như tam giáp, đủ năm bổ Thự Cấm binh Cai đội. Chánh tòng thất phẩm, thi đỗ nhất giáp, nhất danh bổ Phó Quản cơ, Thự Quản cơ; trúng nhị danh bổ Cấm binh Cai đội. Đỗ nhị giáp, bổ Tinh binh Suất đội, Thự Phó Quản cơ; trúng tam danh, bổ Tinh binh Cai đội, thự Cấm binh Cai đội. Đỗ nhị giáp, bổ Tinh binh Suất đội, thự Cấm binh Suất đội, hoặc bổ Cấm binh Suất đội, đỗ Phó bảng, bổ Cấm binh Chánh đội trưởng, Thự Tinh binh Suất đội” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 7, tr.963-964). Theo nguồn dẫn chứng đó cho thấy những người đậu cao đều được bổ dụng vào những chức vụ quan trọng trong quân đội. Nguyên tắc trong xây dựng quân đội là “nuôi quân ba năm dùng một giờ”, quân đội luôn quan trọng trong thời chiến và thời bình. Bởi vì khi đất nước hòa bình, quân đội là lực lượng trấn áp khởi nghĩa nông dân, phe đối lập, bảo vệ biên cương, bảo vệ ngai vàng... Chính vì vậy, tuyển chọn binh tướng giỏi luôn luôn là điều cần thiết. Theo quan điểm “quân đội cốt tinh chứ không cốt đông”, mặc dù xây dựng quân đội có thể cả trăm năm không dùng nhưng qua việc tuyển chọn những nhân tài võ học trong thiên hạ để phục vụ nhà nước. Trong thực tế giai đoạn đó, quân đội nhà Nguyễn là một đội quân mạnh so với các nước láng giềng trong khu vực.

Đồng thời vua Tự Đức còn quy định: “Chánh bát phẩm trở xuống đỗ nhất giáp, nhất danh bổ Cấm binh Cai đội, Thự Phó Quản cơ; trúng nhị danh, bổ Tinh binh Cai đội, thự Cấm binh Cai đội; trúng tam danh bổ Tinh binh Suất đội. Đỗ tam giáp bổ Cấm binh Chánh đội trưởng, Thự Tinh binh Suất đội. Đỗ Phó bảng, bổ Cấm binh Chánh đội trưởng, thí sai Tinh binh Suất đội” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 7, tr.964).

#### **Sử dụng những người là hậu duệ của quan lại quý tộc đỗ đạt.**

Trong việc sử dụng những hậu duệ của quan lại quý tộc thì nhà Nguyễn rất ưu tiên nhưng nhà Nguyễn cũng rất cẩn thận, tức là những người được bổ dụng phải là người có đậu đạt qua các khoa thi hoặc phải là những người được đào tạo đàng hoàng thì mới được bổ dụng. Cụ thể nhà Nguyễn quy định: “Những ấm sinh dự thi nếu đậu Cử nhân, Phó bảng, Tiến sĩ sẽ ưu tiên bổ

dụng. Nếu đỗ Tú tài thì phải ở lại Quốc Tử Giám, sau đó nếu thi nhiều lần không đỗ phải đến tuổi 30 mới tuyển cho làm quan” (Phạm Đức Thành Dũng, Nguyễn Cao, 2000).

Để khuyến khích hậu duệ của quan lại quý tộc học hành đỗ đạt, nhà Nguyễn quy định rõ ràng về việc bổ dụng đối với những người đỗ các kì thi. Đối với những người đỗ thi Hương, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ cũng quy định: “Phàm Tôn sinh thi Hương đỗ Tú tài bắt đầu bỏ Đĩnh bạ, đủ một năm bỏ ra ngoài làm Tri huyện, đỗ Cử nhân bắt đầu bỏ Kiểm thảo, bỏ ra ngoài làm Tri huyện đầu tỉnh hoặc Tri huyện trong kinh và Đồng Tri phủ” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 2, tr.14).

Đồng thời nhà Nguyễn quy định việc bổ dụng cho hậu duệ của quan lại quý tộc trong kì thi Hội. Nhà nước quy định: “Phàm ấm sinh thi Hương đỗ sau khi thi Hội tức bỏ Đĩnh bạ, đủ 1 năm bỏ ra ngoài làm Tri huyện, ai trúng Phó bảng và nhị tam giáp Tiến sĩ khi bắt đầu bổ thụ và bỏ ra ngoài thì gặp khuyết bổ ngay không phải đợi đủ một năm, ai trúng Nhất giáp Tiến sĩ thì đợi chỉ bổ thụ” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 2, tr.14).

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ có quy định về trường hợp nếu Tôn sinh: “Thi Hội đỗ Phó bảng bắt đầu bỏ Biên tu, bỏ ra ngoài bổ Tri phủ, trúng Tam giáp Tiến sĩ bắt đầu bổ Tu soạn, bỏ ra Tri phủ ở ngoài đều bổ dụng ngay không phải đợi đủ một năm; trúng Nhị giáp thì đến kỳ đợi chỉ bổ dụng” (Nội các triều Nguyễn, 1993, tập 2, tr.14).

Đến thời vua Tự Đức năm thứ 4 (1851) có sự thay đổi trong việc bổ dụng con cháu của quan lại quý tộc đỗ đạt cao. Nhà vua “chuẩn cho các tôn sinh đỗ Tú tài và ấm sinh đỗ Cử nhân theo nghị mới thì được ở lại khoa để thi Hương, thi Hội, nếu hạn khoa đã đủ mà chưa đỗ thì chiếu theo lệ bổ quan năm 1849 mà thi hành; Tôn sinh đỗ Tú tài bắt đầu cho hàm chánh bát phẩm, rồi sang Hàn lâm viện, làm cho đủ một năm thì thăng bổ Tri huyện, Tri châu, đỗ Cử nhân cho hàm Kiểm thảo, khi có khuyết chức Đồng Tri phủ thì bổ thụ Tri huyện rồi Quyền đồng tri phủ hoặc bổ Tri phủ, Tri huyện; đỗ Phó bảng thì bắt đầu cho hàm Biên tu, khi có khuyết chức Tri phủ thì bổ thụ Chủ sự rồi Quyền tri phủ; đỗ đệ Tam giáp Tiến sĩ thì bắt đầu cho hàm Tu soạn, khi có khuyết Tri phủ thì bổ, nhưng không phải đợi đến đủ năm; đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ giống như Tam khôi thì chờ chỉ được đặc cách bổ dụng” (Lê Thị Thanh Hòa, 2011, tr. 397).

Bên cạnh quy định rõ ràng về việc sử dụng Tôn sinh đỗ đạt thì nhà Nguyễn cũng định lệ cho các Ấm sinh qua khoa cử. Nếu Ấm sinh đỗ Cử nhân bắt đầu cho hàm chánh bát phẩm, rồi sung Hàn lâm viện, làm việc được một năm thì thăng bổ Tri huyện, Tri châu, đỗ Phó bảng thì cho hàm Kiểm thảo, khi có khuyết chức Đồng tri phủ thì bổ thụ Tri huyện rồi Quyền đồng Tri phủ hoặc Tri huyện huyện đầu; đỗ tam giáp Tiến sĩ bắt đầu cho hàm Biên tu, khi có khuyết chức Tri phủ rồi bổ thụ Chủ sự rồi quyền Đồng tri phủ, đỗ Nhị giáp Tiến sĩ thì bắt đầu cho hàm Tu soạn, khi có khuyết chức Tri phủ thì bổ nhưng không phải đợi đủ năm; đỗ Đệ nhất giáp là hạng đỗ đầu, khi ấy sẽ chờ chỉ bổ dụng (Lê Thị Thanh Hòa, 2011, tr. 397).

Ngoài ra nhà Nguyễn còn có quy định đối với việc sử dụng những người là dòng dõi quan lại quý tộc có học vấn nhưng không đỗ đạt cao. Về vấn đề này nhà Nguyễn quy định rằng: Những người không dự trúng khoa mục mà đáng được chọn bổ thì cùng với Giám sinh theo lệ 6 năm triều đình chọn một lần, trong đó người nào hể trúng tuyển Tôn sinh hạng bình trở lên, Giám sinh hạng ưu, và con quan nhất, nhị, tam phẩm cùng Ấm sinh hạng bình trở lên, con quan tứ ngũ phẩm thì bắt đầu cho hàm Đãi chiếu hoặc Cung phụng, làm việc đủ một năm, được thăng bổ Đĩnh bạ, đủ 3 năm thì được bổ Tri huyện, Tri châu đều do bộ Lại đảm nhiệm để xét bổ (Lê Thị Thanh Hòa, 2011, tr. 397).

#### **4. Đánh giá về bổ dụng quan lại qua thi cử dưới triều Nguyễn**

Trong lịch sử Việt Nam, triều Nguyễn (1802-1885) được biết đến như một triều đại có hệ thống tuyển chọn và sử dụng quan lại chặt chẽ, dựa trên nền tảng Nho giáo và các kỳ thi tuyển cử nhân tài. Việc lục dụng quan lại dưới triều Nguyễn thể hiện một chính sách nhân sự có tổ chức, phản ánh tư duy quản trị của các vị hoàng đế triều đại này trong việc củng cố và duy trì bộ máy hành chính.

Trước hết, có thể thấy rằng triều Nguyễn rất chú trọng đến việc tuyển chọn nhân tài thông qua hệ thống khoa cử. Việc tổ chức thi Hương, thi Hội, thi Đình không chỉ đảm bảo tìm ra

những cá nhân xuất sắc mà còn thể hiện tính hệ thống trong cách triều đình xây dựng đội ngũ quan lại. Những người thi đỗ không được bổ nhiệm ngay mà phải trải qua quá trình học tập, thử thách tại các Lục bộ hoặc Quốc Tử Giám. Điều này cho thấy sự thận trọng của nhà Nguyễn trong việc rèn luyện và kiểm tra năng lực trước khi giao trọng trách cho quan lại. Đặc biệt, từ thời Minh Mạng, những Cử nhân mới thi đỗ thường được phân bổ vào các vị trí hành tẩu tại Lục bộ để làm quen với công việc trước khi được chính thức bổ nhiệm. Đây là một cơ chế rèn luyện thực tiễn hiệu quả, giúp đảm bảo rằng những người được bổ nhiệm đều có kinh nghiệm thực tế trong bộ máy hành chính. Bên cạnh đó, chính sách sử dụng người của nhà Nguyễn cũng có những điểm đặc biệt khi so sánh với các triều đại trước đó. Thay vì chỉ dựa vào dòng dõi quý tộc hay địa vị gia đình, triều Nguyễn chú trọng hơn đến thực tài, thể hiện qua các kỳ thi cử nghiêm ngặt. Tuy nhiên, nhà Nguyễn vẫn có những chính sách ưu đãi cho con em quan lại hoặc hậu duệ của những gia đình có công với triều đình. Những đối tượng này được tạo điều kiện học tập và tham gia khoa cử, nhưng vẫn phải trải qua các kỳ thi và quá trình thử thách trước khi được bổ nhiệm. Điều này giúp cân bằng giữa việc duy trì dòng dõi quan lại trung thành với triều đình và việc đảm bảo chất lượng nhân sự.

Ngoài ra, việc sử dụng quan lại văn võ một cách linh hoạt cũng là một đặc điểm nổi bật trong chính sách dùng người của nhà Nguyễn. Không chỉ tập trung vào các trí thức văn chương, triều Nguyễn còn có hệ thống tuyển chọn võ quan, đặc biệt là thông qua các kỳ thi Võ cử. Những người thi đỗ kỳ thi này được bổ nhiệm vào các vị trí trong quân đội hoặc các cơ quan hành chính liên quan đến quân sự. Chính sách này giúp triều Nguyễn xây dựng được một lực lượng quan lại có kiến thức về cả hành chính và quân sự, đáp ứng nhu cầu quản lý đất nước trong bối cảnh có nhiều biến động. Một điểm quan trọng khác trong công tác lực lượng dụng quan lại dưới triều Nguyễn là cơ chế thử thách và đánh giá quan lại trước khi chính thức bổ nhiệm. Nhà Nguyễn không chỉ tuyển chọn quan lại qua thi cử mà còn đặt ra các giai đoạn thí sai, tức là cho phép quan lại thử việc trong một thời gian nhất định trước khi được bổ nhiệm chính thức. Điều này giúp triều đình có thời gian quan sát và đánh giá năng lực thực tế của các quan lại, tránh tình trạng bổ nhiệm nhầm người hoặc để lọt những kẻ bất tài vào bộ máy hành chính.

Dẫu vậy, hệ thống tuyển chọn này cũng có những điểm hạn chế. Trước hết, nó quá chú trọng vào thi cử mà chưa có nhiều cơ chế để đánh giá thực tiễn quản lý. Mặc dù có cơ chế thí sai, nhưng trong nhiều trường hợp, quan lại vẫn có thể dựa vào quan hệ để thăng tiến mà không thực sự có năng lực. Bên cạnh đó, tính bảo thủ trong việc duy trì hệ thống Nho giáo và khoa cử cũng khiến cho bộ máy hành chính không theo kịp với những thay đổi của thời cuộc, đặc biệt là khi đối diện với áp lực từ các cường quốc phương Tây. Việc chỉ tập trung vào văn chương mà ít chú ý đến các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, quân sự hiện đại cũng khiến triều Nguyễn không thể cải cách kịp thời để bảo vệ đất nước. Hơn nữa, mặc dù triều Nguyễn có chính sách ưu tiên sử dụng nhân tài, nhưng vẫn có những trường hợp bổ nhiệm dựa trên quan hệ gia đình, dòng dõi quý tộc. Việc con cháu quan lại có thể được tuyển dụng mà không cần qua quá trình thi cử gắt gao như những người khác cũng tạo ra một số bất công trong bộ máy hành chính. Dù rằng họ vẫn phải qua các bước kiểm tra và thử thách, nhưng việc ưu tiên này vẫn làm giảm đi tính công bằng của hệ thống tuyển dụng quan lại. Bên cạnh đó, việc triều Nguyễn sử dụng người đỗ đạt trong các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình theo lộ trình nhất định giúp họ có thời gian làm quen với công việc trước khi được giao nhiệm vụ quan trọng. Nhưng chính sách này cũng có điểm yếu, khi một số người dù có tài năng nhưng không đỗ đạt cao vẫn bị hạn chế trong việc thăng tiến. Điều này khiến một bộ phận nhân tài có thể không được trọng dụng đúng mức, hoặc phải mất rất nhiều thời gian để đạt được vị trí xứng đáng.

Có thể đánh giá rằng, công tác lực lượng dụng quan lại dưới triều Nguyễn là một chính sách tuyển dụng và sử dụng nhân sự có hệ thống, được xây dựng dựa trên nền tảng khoa cử và thực tài. Chính sách này giúp đảm bảo chất lượng quan lại, duy trì sự ổn định trong bộ máy hành chính, đồng thời tạo ra một đội ngũ quan chức có năng lực quản lý. Tuy nhiên, những hạn chế về tính thực tiễn và sự bảo thủ trong hệ thống tuyển chọn cũng đặt ra những thách thức nhất định cho triều Nguyễn trong bối cảnh lịch sử đầy biến động. Dẫu vậy, những bài học từ chính

sách dùng người của triều Nguyễn vẫn có giá trị tham khảo quan trọng cho các mô hình quản lý nhân sự trong lịch sử và cả trong thời đại ngày nay. Nếu có thể cân nhắc kết hợp giữa tuyển chọn nhân tài dựa trên thực tài và thực tiễn quản lý, đồng thời cải tiến hệ thống đánh giá năng lực một cách linh hoạt hơn, thì bộ máy hành chính sẽ vận hành hiệu quả hơn, đáp ứng được yêu cầu của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử.

### 5. Kết luận

Triều Nguyễn, với tư cách tồn tại độc lập từ năm 1802 đến 1885, đã thể hiện một sự quan tâm sâu sắc đến việc phát triển giáo dục và tuyển chọn nhân tài để phục vụ cho công cuộc cai trị và phát triển đất nước. Đặc biệt, dưới triều đại của vua Minh Mạng, sau khi lên ngôi kế vị vua Gia Long, công tác giáo dục và việc lựa chọn nhân tài qua các kỳ thi ngày càng được chú trọng và trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược quản lý đất nước. Các kỳ thi này được tổ chức một cách bài bản, tạo ra cơ hội cho những người có năng lực thể hiện bản thân, đồng thời giúp nhà nước triều Nguyễn tuyển chọn được những quan lại có trình độ cao, đủ khả năng tham gia vào công việc quản lý đất nước. Một trong những đặc điểm nổi bật trong chính sách sử dụng nhân tài của triều Nguyễn là việc kiểm tra và thử thách các quan lại trước khi chính thức bổ nhiệm vào các chức vụ. Các quan lại có trình độ đã được tuyển lựa qua các kỳ thi Hương, trước khi được bổ nhiệm vào các chức vụ cụ thể, sẽ phải trải qua quá trình đào tạo và thử việc tại các bộ, nhằm quen dần với công việc của nhà nước. Quá trình thử việc này không chỉ giúp họ làm quen với công việc thực tế mà còn là cơ hội để họ chứng minh khả năng, năng lực của mình trong công việc. Chỉ khi trải qua quá trình thử thách và chứng minh được thực lực, họ mới được bổ nhiệm chính thức vào các chức vụ cao hơn. Bên cạnh đó, triều Nguyễn cũng chú trọng đến việc sử dụng những người đỗ đại khoa – những người đã vượt qua các kỳ thi với số lượng thí sinh đông đảo trong cả nước. Dù là những người có học thức tốt, nhưng họ cũng phải trải qua một thời gian thử thách thực tế gọi là thí sai. Đây là một quy trình quan trọng nhằm đánh giá thực tế khả năng của các quan lại trong việc thực hiện công việc quản lý, điều hành đất nước. Những người vượt qua được thử thách này mới được bổ nhiệm vào các chức vụ quan trọng và có quyền lực trong triều đình.

Ngoài việc chú trọng đến việc lựa chọn quan lại qua các kỳ thi, triều Nguyễn còn áp dụng chính sách "tập ấm" – chính sách sử dụng những người là con em quan lại, quý tộc trong triều. Dù những người này được ưu ái hơn so với lực lượng bình dân, nhưng việc bổ nhiệm họ vào các chức vụ cũng không phải là một quy trình dễ dàng. Họ cũng phải trải qua các cuộc sát hạch và thử thách cẩn thận trước khi được giao phó các nhiệm vụ quan trọng. Điều này cho thấy triều Nguyễn không chỉ chú trọng đến sự kế thừa quyền lực trong gia đình, mà còn yêu cầu những người này phải chứng minh được năng lực thực tế trong công việc. Những chính sách và quy trình tuyển chọn, thử thách quan lại của triều Nguyễn đã góp phần xây dựng một đội ngũ quan lại có trình độ và thực tài. Điều này đã tạo ra một hệ thống quản lý vững mạnh, giúp triều Nguyễn duy trì được sự ổn định trong việc cai trị đất nước, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của vương triều Nguyễn trong thế kỷ XIX. Nhờ vào đội ngũ quan lại có trình độ chuyên môn cao và khả năng thực tiễn, triều Nguyễn đã đạt được nhiều thành tựu trong việc phát triển đất nước về mọi mặt, từ quản lý hành chính, kinh tế đến quân sự. Nhìn chung, triều Nguyễn đã xây dựng một hệ thống giáo dục và tuyển chọn nhân tài hết sức khoa học và chặt chẽ. Việc chú trọng vào việc lựa chọn nhân tài, không chỉ dựa vào học vấn mà còn yêu cầu khả năng thực tế, đã tạo ra một đội ngũ quan lại có năng lực, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của đất nước. Hệ thống này, dù đã kết thúc trong quá trình lịch sử, vẫn để lại những bài học quý giá về việc xây dựng và sử dụng nhân tài trong công tác quản lý nhà nước.

### Chú thích:

(1) Triều Nguyễn được thành lập vào năm 1802 bởi người vua sáng lập là Nguyễn Phúc Ánh, sau lên ngôi Hoàng Đế lấy niên hiệu là Gia Long. Triều Nguyễn tồn tại được 143 năm, tức vị vua cuối cùng là Bảo Đại thoái vị vào năm 1945. Nhưng triều đại này chỉ tồn tại độc lập đến năm 1885. Từ 1858, Thực dân Pháp đã nổ súng tấn công xâm lược Việt Nam. Sau hơn 20 năm kháng chiến,

năm 1884, triều đình nhà Nguyễn đã kí vào giấy đầu hàng thực dân Pháp. Tuy nhiên, một phái theo chủ nghĩa kháng chiến vẫn tiếp tục cố gắng cùng với vua Hàm Nghi thực hiện một vụ binh biến với mong muốn đuổi Pháp ra khỏi kinh đô Huế, sự kiện này diễn ra trong năm 1885. Các nhà sử học Việt Nam cho rằng, đó là cố gắng cuối cùng với tư cách là một triều đại trước Pháp xâm lược, cho nên họ chọn sự kiện này là sự đánh dấu cho sự kết thúc về một triều đại phong kiến độc lập. Từ sau 1885, Việt Nam trở thành thuộc địa Pháp và lệ thuộc cả về đối nội và đối ngoại.

(2) Là chức quan trông coi Hữu thừa, tức Tướng thần lại ty các tỉnh, thời Nguyễn, giúp Trấn thủ về việc hình (sau là Phó tỉnh trưởng). Thời Gia Long thứ 3, trật Tông ngũ phẩm ban văn, thuộc Thị nội. Sau là chức quan coi việc duyệt tuyển quan lại theo định kỳ, thuộc bộ Lại. Có khi do triều đình cử đi duyệt tuyển quan lại các tỉnh, trật Lục phẩm, cùng Cai lại là hạ quan của một đại thần hàng Tam phẩm. (Nguồn: Đỗ Văn Ninh, 2019).

(3) Học trò ở trường Quốc tử giám.

(4) Là hiệu quan đặt tại phủ huyện châu. Lệ thuộc quan bản phủ, khảo hạch các sinh đồ, rèn tập các học sinh. Thời thuộc Minh mỗi phủ đặt 4 Huấn đạo, mỗi châu 2 Huấn đạo, mỗi huyện 2 Huấn đạo. Thời Lê cũng đặt nho học Huấn đạo tại phủ. Thời nhà Nguyễn, phủ đạo có tri phủ thì đặt Giáo thụ có đồng tri phủ thì đặt Huấn đạo, đều 1 người. Huyện đặt Huấn đạo, châu (ven bên giới) không đặt. Thời Gia Long năm thứ 2 (1803), bắt đầu đặt chức Huấn đạo ở các huyện. Có 3 hạng phẩm trật Chánh thất phẩm, Tông thất phẩm và chánh bát phẩm văn gia. (Nguồn: Đỗ Văn Ninh, 2019, tr.335-336).

**Ghi chú:** Bài viết này là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025: “*Chính sách duy trì, bồi dưỡng sự thanh liêm đối với đội ngũ quan lại dưới triều Nguyễn (1802-1885)*” do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì thực hiện.

### Tài liệu tham khảo

- Đỗ Văn Ninh. (2019). *Từ điển chức quan Việt Nam*. Nxb Hồng Đức. Hà Nội.
- Lê Thị Thanh Hòa. (2011). *Việc sử dụng các đại khoa Tiến sĩ của các triều đại Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- Nội các triều Nguyễn. (1993). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 2, 9, 10. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế. (1999). *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*. Nxb Văn Hóa, Hà Nội.
- Phạm Đức Thành Dũng, Vinh Cao (chủ biên). (2000). *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn*. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*, tập 2, 3, 5, 6, 7. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2010). *Minh Mệnh chính yếu*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.1506
- Yoshiharu Tsuboi. (1999). *Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa*. Nxb Trẻ. Tp Hồ Chí Minh.

# THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

1. Bài viết gửi đăng trên Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung phải là bài viết chưa từng được gửi đăng, đăng tải trên bất kỳ các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bài viết gửi đăng có dung lượng từ 5.000-8.000 từ, được đánh máy vi tính trên khổ giấy A4, sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, cách dòng Single, các đoạn 6 pt. Trang đầu tiên của bài viết bao gồm các thông tin về tác giả: họ và tên, học hàm, học vị, cơ quan công tác, số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có từ 02 tác giả trở lên, đều phải đảm bảo đầy đủ thông tin trên).
3. Tiêu đề bài viết, tóm tắt (khoảng 100-200 từ), từ khoá phải được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh ngay sau trang thông tác giả.
4. Kết cấu bài viết được chia thành các mục, tiểu mục và cần đánh theo số thứ tự: 1. Đặt vấn đề; 2.; 2.1.; 2.1.1.; ...; n. Kết luận; Tài liệu tham khảo. Tên của mục và tiểu mục cần viết ngắn gọn, thể hiện bản chất của nội dung trình bày và không có dấu chấm ở cuối dòng.
5. Tên riêng của người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên văn, không phiên âm sang tiếng Việt, trừ những tên, thuật ngữ đã được Việt hoá (như Trung Quốc, Thái Lan, ...).
6. Bài viết phải đảm bảo trích dẫn đầy đủ các thông tin, số liệu, nội dung, đại ý, kết luận... (nếu tham khảo từ các tài liệu khác). Đối với các đoạn trích dẫn trong bài viết nếu trích dẫn nguyên văn thì phần trích dẫn phải được để trong dấu ngoặc kép, nếu là trích dẫn nội dung, đại ý (bao gồm cả số liệu, thông tin, kết luận, phát hiện, ... không dùng nguyên văn) thì không phải để trong dấu ngoặc kép. Cả 2 loại trích dẫn này đều được trích nguồn đầy đủ và ở dạng chữ thường.
7. Tài liệu trích dẫn được trình bày trong dấu ngoặc đơn và viết theo thứ tự sau:
  - Là tác giả Việt Nam: Họ và tên tác giả, năm xuất bản, số trang (nếu có). Ví dụ (Nguyễn Văn A, 2011, 10).
  - Là tác giả nước ngoài: Họ tác giả, năm, số trang (nếu có). Ví dụ (Stiglitz, 1986).
8. Chú thích được trình bày trong dấu ngoặc đơn và đánh số thứ tự 1, 2, 3. Nội dung của chú thích được trình bày ở cuối bài viết bằng mục Chú thích và đặt tên tài liệu tham khảo. Ví dụ: Vũng Nam Trung Bộ<sup>(1)</sup>. Cuối bài viết trình bày:

## Chú thích:

(1) Vũng Nam Trung Bộ bao gồm 8 tỉnh/thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

9. Tài liệu tham khảo được trình bày theo chuẩn quốc tế APA và được sắp xếp theo thứ tự Alphabet.

+ Đối với tài liệu là bài báo trong các tạp chí:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang.

Ví dụ: Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B (2024). Phát triển kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, 1(82), 3-10.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề bài viết. *Tên tạp chí*, số quyển (số phát hành), số trang. Ví dụ: Wang, S., Wang, J., Shen, W., & Wu, H. (2023). The evaluation of tourism service facilities in Chinese traditional villages based on the living protection concept: Theoretical framework and empirical case study. *Journal of Asian Architecture and Building Engineering*, 22(1), 14-31.

+ Đối với tài liệu là sách:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (chủ biên). (2024). *Giáo trình kinh tế phát triển*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề sách (phiên bản)*. Nhà xuất bản. Nơi xuất bản. Ví dụ: Chang, H. J. (Ed.). (2003). *Rethinking development economics* (Vol. 1). Anthem Press.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên kỷ yếu hội thảo:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (Số trang). Nơi xuất bản.

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2024). Điều chỉnh tỷ giá thị trường. *Hội thảo phát triển kinh tế miền Trung* (10-20). Đà Nẵng.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). Tiêu đề tham luận. *Tên kỷ yếu hội thảo* (số trang). Nơi xuất bản. Ví dụ: Kremer, M., Rao, G., & Schilbach, F. (2019). Behavioral development economics. In *Handbook of behavioral economics: applications and foundations 1* (Vol. 2, pp. 345-458). North-Holland.

+ Đối với tài liệu là bài đăng trên internet:

- *Tác giả người Việt Nam:* Họ và tên tác giả (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập.

Ví dụ: Minh Ngọc (2024). *FDI tháng 5/2024: Vốn điều chỉnh đạt mức tăng ấn tượng*. Truy xuất từ <https://baochinhphu.vn/fdi-thang-5-2024-von-dieu-chinh-dat-muc-tang-an-tuong-102240528083927875.htm>, ngày 10/5/2024.

- *Tác giả người nước ngoài:* Họ tác giả, tên viết tắt. (năm xuất bản). *Tiêu đề bài viết*. Truy xuất từ đường dẫn trang web, ngày/tháng/năm truy cập. Ví dụ: Lund, C. (2023). *The Effects of Mental Health Interventions on Labor Market Outcomes in Low- and Middle-Income Countries*. Truy xuất tại <https://www.nber.org/papers/w32423>, ngày 10/5/2024.

10. Xin gửi bản thảo bài viết qua địa chỉ email: [tckhxmientrung@gmail.com](mailto:tckhxmientrung@gmail.com)

**Lưu ý:** Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung chỉ nhận bài viết đáp ứng đúng thể lệ gửi bài trên.

## Thông tin liên hệ:

Toà soạn Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3962.510

Website: <https://isscr.vass.gov.vn> hoặc <https://vjol.info.vn/index.php/isscr/index>

**GIÁ: 30.000 đồng**

# CVRSS

**Central Vietnamese Review of Social Sciences**

**TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3962.510

Email: [tckhxmientrung@gmail.com](mailto:tckhxmientrung@gmail.com)